

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
Căn cứ các: Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: số 05/2014/TT- BKHCN ngày 10/4/2014 ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ"; số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/9/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 82/TTr- SKHCN ngày 03/12/2015, Báo cáo thẩm định số 59/BCTĐ-STP ngày 30/11/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng.
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 185/2008/QĐ-UBND ngày 25/01/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng.
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: - Chính phủ; - Bộ Khoa học và Công nghệ; - Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp; - TT Thành ủy, TT HĐND TP; - Đoàn Đại biểu Quốc hội Hải Phòng; - CT, các PCT UBND TP; - Sở Tư pháp; - Như Điều 3; - Cổng Thông tin điện tử TP, Công báo TP; - Báo Hải Phòng, Đài PT&TH Hải Phòng; - CPVP; - Các CV UBND TP; - Lưu VT.	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHỦ TỊCH Lê Văn Thành
--	--

QUY CHẾ

QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2848/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng, gồm: Xác

định nhiệm vụ; tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì; phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ; đăng ký, lưu giữ, ứng dụng, sở hữu và sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Quy chế này áp dụng cho tất cả các tổ chức và cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố:

a) Là nhiệm vụ có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố; giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực trong phạm vi thành phố, có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố được thực hiện dưới các hình thức:

- Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố, gồm:

+ Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp thành phố;

+ Dự án ứng dụng khoa học và công nghệ cấp thành phố;

+ Dự án sản xuất thử nghiệm cấp thành phố.

- Đề án khoa học cấp thành phố.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

a) Là nhiệm vụ được thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ của các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp; có sử dụng ngân sách nhà nước các cấp.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được thực hiện dưới các hình thức:

- Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở, gồm:

+ Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

+ Dự án ứng dụng khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

+ Dự án sản xuất thử nghiệm cấp cơ sở.

- Đề án khoa học cấp cơ sở.

Điều 3. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giao nhiệm vụ theo phương thức tuyển chọn:

- Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định.

- Tuyển chọn được áp dụng đối với các nhiệm vụ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

2. Giao nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp:

- Giao trực tiếp là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ.

- Giao trực tiếp được áp dụng đối với các nhiệm vụ thuộc bí mật nhà nước, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; nhiệm vụ đột xuất; hoặc chỉ có một tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, nhân lực, trang thiết bị để thực hiện.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề xuất từ các nguồn sau:

a) Hàng năm, trên cơ sở thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở).

b) Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện đề xuất, giao nhiệm vụ, đặt hàng thông qua các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ công tác, hoặc đột xuất.

2. Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở) tổng hợp các đề xuất, trình cấp có thẩm quyền tổ chức các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 5. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định thành lập.

2. Hội đồng có từ 5 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, không quá hai ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Có tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.

3. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho triển khai thực hiện.

4. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về lựa chọn, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho triển khai thực hiện theo những yêu cầu, tiêu chí quy định. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình. Phiên họp Hội đồng chỉ tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và các ủy viên phản biện.

Điều 6. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, kế hoạch công tác, khả năng ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (đối với nhiệm vụ cấp thành phố), thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở) ra quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ và giao tổ

chức thực hiện bằng phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Chương III

TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Nguyên tắc tuyển chọn

- 1. Sở Khoa học và Công nghệ, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện phải thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, phương tiện thông tin đại chúng khác danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn.
- 2. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng khác.
- 3. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thông qua Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền thành lập.

Điều 8. Hội đồng tuyển chọn

- 1. Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định thành lập.
 - 2. Hội đồng có từ 5 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, không quá hai ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Có tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng. Cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoặc cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng.
 - 3. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho các cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn.
 - 4. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình. Phiên họp Hội đồng chỉ tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và các ủy viên phản biện.
 - 5. Việc chuẩn bị cho các phiên họp của Hội đồng, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng, đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 9, Điều 11 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCHN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2014/TT-BKHCHN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ);
- Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BKHCHN ngày 19/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCHN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- 1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện theo Điều 5, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCHN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
 - 2. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn: Hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.
- Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của cơ quan nhận hồ sơ (trường hợp nhận trực tiếp).
- Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay thế bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay thế, bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định, văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.
- 3. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCHN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt và trách nhiệm thông báo kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- 1. Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện ra quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
 - 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
- Kết quả tuyển chọn được thông báo đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của thành phố, cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc của các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện. Thời gian đăng tải tối thiểu 60 ngày.
- Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ được tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh thực hiện nhiệm vụ trình thẩm định, phê duyệt thuyết minh theo Khoản 2, 3,4, 5 Điều 11 của Quy chế này.

Chương IV

QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ được phê duyệt trong danh mục theo phương thức giao trực tiếp xây dựng thuyết minh thực hiện nhiệm vụ theo mẫu trình Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh.
2. Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở) tổng hợp các thuyết minh, chuẩn bị hồ sơ tổ chức các Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
 - a) Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định thành lập.
 - b) Hội đồng có từ 5 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, không quá hai ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Có tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.
 - c) Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
 - d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình. Phiên họp Hội đồng chỉ tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và các ủy viên phản biện.
4. Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ:
 - a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp thành phố.
 - b) Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp cơ sở.

5. Phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- a) Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và cấp cơ sở có mức kinh phí ngân sách từ 500 triệu đồng trở lên.
- b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố); thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) ra quyết định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mức kinh phí ngân sách dưới 500 triệu đồng.

Điều 12. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố.
2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện ký hợp đồng với cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
3. Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ".

Điều 13. Báo cáo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý, cơ quan chủ trì nhiệm vụ báo cáo bằng văn bản tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung nhiệm vụ, tình hình sử dụng kinh phí, kế hoạch hoặc phương án triển khai giai đoạn tiếp theo, kiến nghị (nếu có), gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở). Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định,
2. Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở) tổ chức kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất (nếu cần thiết) để đánh giá việc thực hiện về nội dung, tiến độ, tình hình sử dụng kinh phí, giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) theo quy định hiện hành. Kết quả kiểm tra việc thực hiện (bảng biên bản kiểm tra) là căn cứ xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện cho phù hợp, hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.
3. Việc điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện, hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ phải được đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xem xét, có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì. Trường hợp cần thiết, xin ý kiến Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Những điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện phải được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng đã ký.

Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

Điều 14. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị chấm dứt thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Trong quá trình triển khai thực hiện gặp các trường hợp bất khả kháng: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... dẫn đến không thể hoàn thành.
 - b) Hướng nghiên cứu bị bế tắc, vấn đề nghiên cứu đã lỗi thời, không còn cần thiết.
 - c) Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ vì các lý do không đáp ứng được các điều kiện tiến hành thực hiện nhiệm vụ (không đủ năng lực về nhân sự, tổ chức nghiên cứu, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị...)
 - d) Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ vi phạm các điều kiện đã ký kết trong hợp đồng; thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo thuyết minh, quyết định phê duyệt; sử dụng kinh phí sai mục đích, không đủ khả năng huy động kinh phí đối ứng theo hợp đồng.

đ) Nhiệm vụ kéo dài thời gian thực hiện hoặc gia hạn quá 1 lần mà không có lý do chính đáng, không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý.

2. Thủ tục chấm dứt thực hiện nhiệm vụ:

a) Hồ sơ và trình tự chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành lập tổ công tác tiến hành kiểm tra, đánh giá về tình trạng, các sản phẩm, tình hình sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện. Kết quả làm việc được lập thành biên bản có xác nhận của các thành viên và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết xin ý kiến Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Trong trường hợp vì các nguyên nhân khác nhau, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ không thực hiện báo cáo theo quy định, tổ công tác tiến hành xem xét hồ sơ và tình hình thực tế, lập báo cáo kết quả làm việc.

d) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện ra quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng, thu hồi kinh phí theo Khoản 5 Điều 15 của Quy chế này.

Điều 15. Các vấn đề về quản lý kinh phí và tài sản

1. Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm cấp và đánh giá tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí căn cứ quyết định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng ký kết, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về tài chính.

2. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, theo các nội dung và điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

3. Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo tiến độ hợp đồng, tuân thủ quy định hiện hành và căn cứ vào kết quả thực hiện các nội dung được phê duyệt. Chỉ quyết toán kinh phí chuyển đợt trước mới được xem xét cấp kinh phí đợt sau.

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, duyệt báo cáo quyết toán và chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán phần kinh phí ngân sách cấp để thực hiện nhiệm vụ, gửi Sở Khoa học và Công nghệ

(đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) và Kho bạc Nhà nước thẩm định.

4. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ phối hợp với chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Sở Khoa học Công nghệ (đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn tự có và vốn khác thực hiện nhiệm vụ theo từng đợt.

5. Đối với các trường hợp bị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ phải tiến hành các thủ tục thu hồi kinh phí ngân sách đã cấp.

Mức kinh phí thu hồi được xác định căn cứ trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế quy định tại Điều 14 của Quy chế này, được thể hiện tại quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

6. Tài sản có nguồn gốc từ ngân sách phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là của Nhà nước. Thực hiện việc mua sắm, quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

7. Việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ, ỨNG DỤNG, SỞ HỮU VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước khi kết thúc phải được đánh giá khách quan, chính xác thông qua Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ (sau đây viết tắt là Hội đồng).

2. Hội đồng cấp thành phố do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập. Hội đồng cấp cơ sở do Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định thành lập.

Hội đồng có từ 5 đến 9 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, không quá 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Các thành viên Hội đồng là các nhà quản lý, các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về nội dung nhiệm vụ được đánh giá.

3. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu, nội dung, quy mô, tiến độ, sản phẩm được phê duyệt trong quyết định và hợp đồng đã ký kết. Kết quả đánh giá của Hội đồng được thể hiện bằng biên bản và phiếu chấm điểm.

4. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về mức độ đạt được so với mục tiêu, nội dung, quy mô, tiến độ, sản phẩm đề ra. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến của mình. Phiên họp Hội đồng chỉ tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và các ủy viên phản biện.

5. Hồ sơ đánh giá, nộp hồ sơ đánh giá, nội dung đánh giá, phương pháp đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Điều 6, Điều 7, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Xử lý kết quả đánh giá của Hội đồng:

a) Các nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá xếp loại “đạt” trở lên sẽ được xem xét để nghiệm thu.

b) Trường hợp nhiệm vụ xếp loại “không đạt”, được Hội đồng kiến nghị cho sửa chữa, hoàn chỉnh, đánh giá lại. cơ quan chủ trì, chủ nhiệm

nhiệm vụ phải sửa chữa, hoàn thiện và làm thủ tục đánh giá lại.

c) Trường hợp nhiệm vụ xếp loại “không đạt” và Hội đồng không kiến nghị cho sửa chữa, hoàn chỉnh, đánh giá lại, hoặc nhiệm vụ được đánh giá lần thứ hai mà vẫn không đạt, Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố), các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) xem xét, ra quyết định xử lý chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo Điều 14 của Quy chế này.

7. Nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Trên cơ sở kết quả đánh giá được Hội đồng xếp loại “đạt” trở lên, căn cứ vào tình hình thực hiện hợp đồng đã ký kết về thời gian tiến độ thực hiện, thanh quyết toán kinh phí ngân sách, việc chấp hành các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền ra quyết định nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ. Quyết định nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ là một trong các căn cứ để thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã ký kết.

Mẫu Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT- BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

b) Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định nghiệm thu những nhiệm vụ cấp thành phố và cấp cơ sở có mức kinh phí ngân sách cấp từ 500 triệu đồng trở lên. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định nghiệm thu những nhiệm vụ cấp thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện ra quyết định nghiệm thu những nhiệm vụ cấp cơ sở có mức kinh phí ngân sách cấp dưới 500 triệu đồng.

Điều 17. Đăng ký, lưu giữ, tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được đăng ký, lưu giữ tại Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng và tại bộ phận lưu trữ của các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện theo quy định.

Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện là một trong các căn cứ để thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã ký kết.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

Việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức bàn giao; các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố đã được đánh giá, nghiệm thu.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm tổ chức, bố trí kinh phí ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được đánh giá, nghiệm thu.

4. Hàng năm, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo tình hình ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 18. Quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện là đại diện chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở.

2. Đại diện chủ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì đại diện chủ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều này quyết định giao quyền sử dụng đó cho tổ chức khác có khả năng sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Tổ chức được giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thực hiện quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật.

5. Quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được thể hiện trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

6. Người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đó.

Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng quyền theo quy định pháp luật.

7. Lợi nhuận sau thuế thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, ban hành các hướng dẫn cần thiết để thực hiện.

Điều 20. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thể vận dụng Quy chế này để quản lý cấp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước của mình.

Điều 21. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./